

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 22 THÁNG 01 NĂM 2016**  
**ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

---

Tháng 2 năm 2017

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 22 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (năm tài chính đầu tiên Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 22 tháng 01 năm 2016 đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Chí Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nghỉ hưu ngày 01/01/2017)
Ông Bùi Đình Sỹ	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Phương	Thành viên (phụ trách HĐQT từ ngày 01/01/2017)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Bùi Đình Sỹ	Giám đốc
Ông Hà Huy Trúc	Phó Giám đốc
Ông Trần Hữu Chính	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



---

**Bùi Đình Sỹ**  
**Giám đốc**  
*Ngày 23 tháng 02 năm 2017*



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 17.02/2017/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2017, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 22 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (năm tài chính đầu tiên Công ty chuyển sang công ty cổ phần) và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 22 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Nam Cường

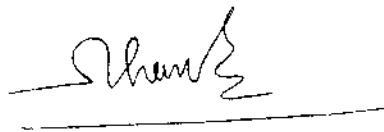
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1950-2013-072-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài  
chính Quốc tế (IFC)**

*Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2017*



Trần Thiện Thanh

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2013-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	22/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>80.965.405.066</b>	<b>83.437.008.288</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	IV.1	<b>24.124.539.359</b>	<b>16.428.617.720</b>
1. Tiền	111		9.124.539.359	13.428.617.720
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	3.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>44.425.769.413</b>	<b>46.723.342.882</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.2	43.058.059.217	39.961.292.386
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		270.665.699	516.990.199
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	IV.3	2.610.477.795	6.245.060.297
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	IV.4	(1.513.433.298)	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>IV.5</b>	<b>11.242.852.701</b>	<b>12.119.172.211</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.242.852.701	12.119.172.211
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.172.243.593</b>	<b>8.165.875.475</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		583.878.218	7.335.729.948
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	IV.6	550.790.081	792.570.233
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		37.575.294	37.575.294
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.536.890.144</b>	<b>12.350.537.173</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.338.531.616</b>	<b>7.631.644.917</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.7	6.042.878.208	7.279.656.281
- Nguyên giá	222		20.046.747.267	20.480.491.267
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.003.869.059)	(13.200.834.986)
2. Tài sản cố định vô hình	227	IV.8	295.653.408	351.988.636
- Nguyên giá	228		450.681.818	450.681.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(155.028.410)	(98.693.182)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.198.358.528</b>	<b>4.718.892.256</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.9	3.198.358.528	4.718.892.256
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>90.502.295.210</b>	<b>95.787.545.461</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÁU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	22/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>63.984.863.650</b>	<b>73.290.318.445</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>63.391.044.066</b>	<b>72.696.498.861</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.10	30.377.875.248	19.817.718.013
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.704.195.880	2.744.856.172
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.6	2.326.218.270	632.491.718
4. Phải trả người lao động	314		19.007.147.404	19.740.056.813
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		334.408.951	909.967.894
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	IV.11	5.592.143.241	20.952.480.624
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	3.841.628.646
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	IV.12	935.323.091	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.113.731.981	4.057.298.981
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>593.819.584</b>	<b>593.819.584</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		593.819.584	593.819.584
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>26.517.431.560</b>	<b>22.497.227.016</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>IV.13</b>	<b>26.517.431.560</b>	<b>22.497.227.016</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.500.000.000	22.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.500.000.000	22.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.273.026	45.273.026
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.972.158.534	(48.046.010)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(48.046.010)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.020.204.544	(48.046.010)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>90.502.295.210</b>	<b>95.787.545.461</b>

Khuất Thị Hà  
 Người lập biểu  
 Ngày 23 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thị Thanh Hiền  
 Kế toán trưởng

Bùi Đình Sỹ  
 Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 22 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

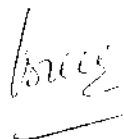
MÀU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 22/01/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.1	126.666.425.728	114.704.269.556
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		126.666.425.728	114.704.269.556
4. Giá vốn hàng bán	11	V.2	110.446.179.317	99.869.770.919
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.220.246.411	14.834.498.637
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.3	510.491.395	647.872.853
7. Chi phí tài chính	22		68.028.843	260.853.813
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		68.028.843	229.693.367
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.4	11.482.207.186	10.259.719.566
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.180.501.777	4.961.798.091
11. Thu nhập khác	31		400.711.992	1.912.659.921
12. Chi phí khác	32		447.736.850	1.026.008.345
13. Lợi nhuận khác	40		(47.024.858)	886.051.576
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.133.476.919	5.847.849.667
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.5	1.113.272.375	2.801.104.222
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.020.204.544	3.046.745.445
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	V.6	1.787	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		1.787	-

(\*) Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016, Công ty hoạt động theo hình thức công ty TNHH một thành viên nên không có số liệu so sánh cho các chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" và "Lãi suy giảm trên cổ phiếu".



Khuất Thị Hà  
Người lập biểu  
Ngày 23 tháng 02 năm 2017



Nguyễn Thị Thanh Hiền  
Kế toán trưởng



Bùi Đình Sỹ  
Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 22 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÁU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 22/01/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	130.433.528.097	120.055.203.445
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(38.510.197.926)	(55.667.686.452)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.203.159.490)	(26.557.687.719)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(68.028.843)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.224.068.886)	(4.420.137.200)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.399.244.119	11.575.630.589
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(68.796.486.162)	(54.892.362.191)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>11.030.830.909</b>	<b>(9.907.039.528)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-	(1.000.684.282)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(37.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	43.375.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	506.719.376	647.872.833
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>506.719.376</b>	<b>6.022.188.551</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	2.538.501.521
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	3.841.628.646
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.841.628.646)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.841.628.646)</b>	<b>6.380.130.167</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>7.695.921.639</b>	<b>2.495.279.190</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>16.428.617.720</b>	<b>13.933.338.530</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>24.124.539.359</b>	<b>16.428.617.720</b>

Khuất Thị Hà  
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thị Thanh Hiền  
Kế toán trưởng

Bùi Đình Sỹ  
Giám đốc

## **I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội. Theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 3907/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội, giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100769649 thay đổi lần 1 ngày 22 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 22.500.000.000 đồng, chia thành 2.250.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, không có cổ phần ưu đãi.

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (KD chính);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động viễn thông có dây; Hoạt động viễn thông không dây; Hoạt động viễn thông khác;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; Công thông tin (trừ hoạt động báo chí); Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất thiết bị điện khác;
- Lắp trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;  
(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).

### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính năm đầu tiên hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần của Công ty được lập từ ngày 22/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016. Do đó, số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán của Công ty được lấy theo Bảng cân đối kế toán tại ngày 21/01/2016 và không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 22 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 22 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

## **III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

### **III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 43
Máy móc, thiết bị	08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 03

**III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý sản xuất trên mạng và được khấu hao trong 8 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, giá trị thương hiệu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định trong đối chiếu chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây).

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2016</b>	<b>22/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	152.898.594	256.941.798
Tiền gửi ngân hàng	8.971.640.765	13.171.675.922
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.124.539.359</b>	<b>16.428.617.720</b>

(\*) Các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội với kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,3%/năm.

**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2016</b>	<b>22/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	17.940.907.861	13.436.597.093
Ban quản lý dự án đường sắt	1.109.200.630	5.440.675.473
Các khách hàng khác	24.007.950.726	21.084.019.820
<b>Cộng</b>	<b>43.058.059.217</b>	<b>39.961.292.386</b>
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	17.940.907.861	13.436.597.093
Công ty CP Quản lý đường sắt Hà Ninh	2.727.819.836	2.475.906.218
Công ty CP Quản lý đường sắt Hà Thái	1.594.399.151	1.707.955.151
Công ty CP Quản lý đường sắt Vĩnh Phú	1.045.987.536	1.347.798.213
Công ty CP Quản lý đường sắt Hà Hải	24.977.000	563.010.121
Công ty CP Quản lý đường sắt Thanh Hóa	308.130.201	119.714.077
Công ty CP Quản lý đường sắt Quảng Bình	-	145.737.000
<b>Cộng</b>	<b>23.642.221.585</b>	<b>19.796.717.873</b>

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2016</b>	<b>22/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	1.750.000.000	2.550.000.000
Tạm ứng	234.082.873	-
Phải thu khác	626.394.922	3.695.060.297
<b>Cộng</b>	<b>2.610.477.795</b>	<b>6.245.060.297</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU  
ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

Số 11A phố Nguyễn Khuyến, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 22/01/2016  
đến ngày 31/12/2016

**MÃ SỐ B 09-DN**

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. NỢ XẤU**

	31/12/2016		22/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ban QLDA Việt Trì: D/c TTH đường Nguyễn Tấn Thành	321.174.000	224.821.800	321.174.000	321.174.000
CN Cty CPXNK tổng hợp Hà Tây:XD DN km 22+025 BH	238.580.271	167.006.190	238.580.271	238.580.271
Ban QLDA cầu Phố Lư: D/c TTH cầu Phố Lư	664.200.000	464.940.000	664.200.000	664.200.000
Ban QLDA quận Long Biên: Gói thầu số 5	161.550.000	113.085.000	161.550.000	161.550.000
Ban GPMB và phát triển quỹ đất tỉnh Vĩnh Phúc	226.848.000	158.793.600	226.848.000	226.848.000
Ban quản lý dự án giao thông Phú Thọ	146.880.900	102.816.630	146.880.900	146.880.900
Hội đồng bồi thường và tái định cư thị xã	222.121.000	155.484.700	222.121.000	222.121.000
Công ty Cổ phần Đầu tư công trình Hà Nội	48.152.572	33.706.800	48.152.572	48.152.572
Công ty Cổ phần đường sắt Hà Ninh	1.486.679.995	1.040.675.997	1.486.679.995	1.486.679.995
Công ty Cổ phần đường sắt Vĩnh Phú	885.094.000	619.565.800	885.094.000	885.094.000
Công ty Cổ phần đường sắt Hà Thái	555.532.455	388.872.719	555.532.455	555.532.455
Công ty CP đầu tư XD Ngân hàng	11.400.000	-	11.400.000	11.400.000
Lê Nho Hưng	14.989.341	-	14.989.341	14.989.341
<b>Cộng</b>	<b>4.983.202.534</b>	<b>3.469.769.236</b>	<b>4.983.202.534</b>	<b>4.983.202.534</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU  
ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

Số 11A phố Nguyễn Khuyến, P.Văn Miếu, Q.Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 22/01/2016  
đến ngày 31/12/2016

**MÀU SỐ B 09-DN**

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		22/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.351.562.732	-	2.173.541.739	-
Công cụ, dụng cụ	31.438.931	-	12.023.972	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.859.851.038	-	9.933.606.500	-
<b>Cộng</b>	<b>11.242.852.701</b>	<b>-</b>	<b>12.119.172.211</b>	<b>-</b>

**6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	22/01/2016		Số phải nộp trong năm		Số thực nộp trong năm		31/12/2016	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Các khoản phải thu</b>								
Thuế giá trị gia tăng	396.581.953	-	396.581.953	-	-	-	-	
Thuế thu nhập cá nhân	390.927.080	-	128.726.765	-	288.589.766	-	550.790.081	
Các loại thuế khác	5.061.200	-	5.061.200	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>792.570.233</b>	<b>-</b>	<b>530.369.918</b>	<b>-</b>	<b>288.589.766</b>	<b>-</b>	<b>550.790.081</b>	
<b>Các khoản thuế phải trả</b>								
Thuế giá trị gia tăng	-	6.126.096.677	-	6.126.096.677	4.373.351.787	-	1.752.744.890	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	632.491.718	-	1.113.272.375	-	1.224.068.886	-	521.695.207	
Các loại thuế khác	-	352.455.873	-	352.455.873	300.677.700	-	51.778.173	
<b>Cộng</b>	<b>632.491.718</b>	<b>-</b>	<b>7.591.824.925</b>	<b>-</b>	<b>5.898.098.373</b>	<b>-</b>	<b>2.326.218.270</b>	

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 22/01/2016	9.392.071.324	2.872.529.462	7.459.719.200	756.171.281	20.480.491.267
Thanh lý, nhượng bán	(32.370.000)	(401.374.000)	-	-	(433.744.000)
Tại ngày 31/12/2016	9.359.701.324	2.471.155.462	7.459.719.200	756.171.281	20.046.747.267
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 22/01/2016	5.607.500.146	1.438.217.544	5.734.999.437	420.117.859	13.200.834.986
Khấu hao trong kỳ	336.788.059	291.048.542	438.380.001	104.188.701	1.170.405.303
Thanh lý, nhượng bán	(23.144.550)	(344.226.680)	-	-	(367.371.230)
Tại ngày 31/12/2016	5.921.143.655	1.385.039.406	6.173.379.438	524.306.560	14.003.869.059
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 22/01/2016	3.784.571.178	1.434.311.918	1.724.719.763	336.053.422	7.279.656.281
Tại ngày 31/12/2016	3.438.557.669	1.086.116.056	1.286.339.762	231.864.721	6.042.878.208

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 250.000.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 22/01/2016	450.681.818	450.681.818
Tại ngày 31/12/2016	<b>450.681.818</b>	<b>450.681.818</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 22/01/2016	98.693.182	98.693.182
Khấu hao trong năm	56.335.228	56.335.228
Tại ngày 31/12/2016	<b>155.028.410</b>	<b>155.028.410</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 22/01/2016	<b>351.988.636</b>	<b>351.988.636</b>
Tại ngày 31/12/2016	<b>295.653.408</b>	<b>295.653.408</b>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016 VND	22/01/2016 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	535.339.889	724.364.293
Lợi thế kinh doanh (*)	2.663.018.639	3.994.527.963
<b>Cộng</b>	<b>3.198.358.528</b>	<b>4.718.892.256</b>

(\*) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa theo quyết định số 64/QĐ-BGTVT và quyết định phê duyệt phương án cổ phần hoá số 3907/QĐ-BGTVT với số tiền là 3.994.527.963 đồng, được phân bổ trong thời gian 03 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2016		22/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty CP Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	2.342.792.606	2.342.792.606	4.109.255.469	4.109.255.469
Công ty CP Thương mại và Xây dựng HC Gia Lộc	959.987.514	959.987.514	1.207.482.602	1.207.482.602
Công ty cổ phần Thiên Mã	4.854.400.000	4.854.400.000	-	-
Các khách hàng khác	22.220.695.128	22.220.695.128	14.500.979.942	14.500.979.942
<b>Cộng</b>	<b>30.377.875.248</b>	<b>30.377.875.248</b>	<b>19.817.718.013</b>	<b>19.817.718.013</b>
<b>Cộng</b>	-	-	-	-
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Quản lý Đường Sắt Hà Hải	728.286.812	728.286.812	1.846.203.525	1.846.203.525
Công ty Cổ phần Đường Sắt Hà Ninh	-	-	213.541.022	213.541.022
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	2.342.792.606	2.342.792.606	4.109.255.469	4.109.255.469
<b>Cộng</b>	<b>3.071.079.418</b>	<b>3.071.079.418</b>	<b>6.169.000.016</b>	<b>6.169.000.016</b>

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2016</b>	<b>22/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	578.251.822	195.418.029
Bảo hiểm xã hội	1.158.438.673	-
Bảo hiểm y tế	315.997.656	95.986.224
Bảo hiểm thất nghiệp	96.801.261	57.889
Phải trả về cổ phần hoá	608.085	8.895.670.434
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.442.045.744	11.765.348.048
<b>Cộng</b>	<b>5.592.143.241</b>	<b>20.952.480.624</b>

**12. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Công ty trích dự phòng bảo hành các công trình đã hoàn thành trong năm (ngoài hoạt động bảo dưỡng thường xuyên) với hợp đồng có điều khoản bảo hành, tỷ lệ trích từ 3% đến 5% giá trị công trình.

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a/ Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 22/01/2016	22.500.000.000	45.273.026	(48.046.010)	22.497.227.016
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	4.020.204.544	4.020.204.544
Số dư tại ngày 31/12/2016	<b>22.500.000.000</b>	<b>45.273.026</b>	<b>3.972.158.534</b>	<b>26.517.431.560</b>

**b/ Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<b>31/12/2016</b>	<b>22/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	11.475.000.000	11.475.000.000
Đỗ Quỳnh Anh	-	1.125.000.000
Phạm Hồng Thịnh	-	1.125.000.000
Phạm Thanh Hoa	-	1.125.000.000
Đỗ Văn Anh	-	421.500.000
Tô Huy Vũ	1.898.250.000	-
Công ty TNHH DOHA Đầu tư	1.898.250.000	-
Các cổ đông khác	7.228.500.000	7.228.500.000
<b>Cộng</b>	<b>22.500.000.000</b>	<b>22.500.000.000</b>

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*c/ Cổ phiếu*

	31/12/2016	22/01/2016
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.250.000	2.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.250.000	2.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.250.000	2.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.250.000	2.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 22/01/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>126.666.425.728</b>	<b>114.704.269.556</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.645.250.196	7.071.082.683
Doanh thu hợp đồng xây lắp	124.021.175.532	107.633.186.873
<b>Cộng</b>	<b>126.666.425.728</b>	<b>114.704.269.556</b>
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>126.666.425.728</b>	<b>114.704.269.556</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	97.998.255.704	79.323.782.587
Công ty CP Quản lý Đường sắt Hà Ninh	423.140.582	-
Công ty CP Quản lý Đường sắt Hà Thái	370.677.273	1.240.384.269
Công ty CP Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú	68.513.635	420.640.194
Công ty CP Quản lý Đường sắt Hà Hải	22.706.364	593.645.564
Công ty CP Quản lý Đường sắt Thanh Hóa	171.287.385	108.830.979
Công ty CP Quản lý Đường sắt Quảng Bình	-	132.488.182
Công ty CP Quản lý Đường sắt Yên Lào	-	190.453.901

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 22/01/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.794.151.077	4.863.968.506
Giá vốn hợp đồng xây lắp	108.652.028.240	95.005.802.413
<b>Cộng</b>	<b>110.446.179.317</b>	<b>99.869.770.919</b>

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 22/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	510.491.395	647.872.833
<b>Cộng</b>	<b>510.491.395</b>	<b>647.872.833</b>

**4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 22/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.727.079.397	5.030.259.796
Chi phí khấu hao TSCĐ	640.674.141	583.401.249
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.513.433.298	-
Các khoản chi phí quản lý khác	4.601.020.350	4.646.058.521
<b>Cộng</b>	<b>11.482.207.186</b>	<b>10.259.719.566</b>

**5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 22/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.113.272.375	1.017.069.445
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	1.784.034.777
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.113.272.375</b>	<b>2.801.104.222</b>

**6. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 22/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.020.204.544
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.020.204.544
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.250.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.787</b>

(\*) Điều lệ hoạt động và quy chế tài chính của Công ty không quy định cụ thể về việc phải trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Đồng thời, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa đến kỳ tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Theo đó, Công ty không ước tính quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích lập khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 22 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (năm tài chính đầu tiên Công ty chuyển sang công ty cổ phần).



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**7. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 22/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.369.795.381	27.873.610.527
Chi phí nhân công	52.553.457.066	53.641.343.422
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.226.740.529	1.085.300.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.506.008.327	20.152.780.994
Chi phí khác bằng tiền	9.198.629.738	10.581.933.676
<b>Cộng</b>	<b>120.854.631.041</b>	<b>113.334.968.808</b>

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2016 VND	22/01/2016 VND
Các khoản vay	-	3.841.628.616
Tiền, Tiền và các khoản tương đương tiền	24.124.539.359	16.428.617.720
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	26.517.431.560	22.497.227.016
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,00%</b>	<b>0,00%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số III.

**VI. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	22/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.124.539.359	16.428.617.720
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.405.103.714	43.656.352.683
Các khoản ký quỹ	1.750.000.000	2.550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>68.279.643.073</b>	<b>62.634.970.403</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	-	3.841.628.646
Phải trả người bán và phải trả khác	35.970.018.489	40.770.198.637
Chi phí phải trả	334.408.951	909.967.894
<b>Cộng</b>	<b>36.304.427.440</b>	<b>45.521.795.177</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kế toán niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình lãi suất trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thị trường.

**VI. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**I. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua vật tư từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của vật tư.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Sau 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.124.539.359	-	-	24.124.539.359
Phải thu khác: hàng và phải thu khác	44.155.103.714	-	-	44.155.103.714
Các khoản ký quỹ	1.750.000.000	-	-	1.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>70.029.643.073</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>70.029.643.073</b>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	35.970.018.489	-	-	35.970.018.489
Chi phí phải trả	334.408.951	-	-	334.408.951
<b>Cộng</b>	<b>36.304.427.440</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.304.427.440</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>33.725.215.633</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>33.725.215.633</b>

**VI. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 22/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.428.617.720	-	-	16.428.617.720
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.656.352.683	-	-	43.656.352.683
Các khoản ký quỹ	2.550.000.000	-	-	2.550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>62.634.970.403</b>	-	-	<b>62.634.970.403</b>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	40.770.198.637	-	-	40.770.198.637
Chi phí phải trả	909.967.894	-	-	909.967.894
Các khoản vay	3.841.628.646	-	-	3.841.628.646
<b>Cộng</b>	<b>45.521.795.177</b>	-	-	<b>45.521.795.177</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>17.113.175.226</b>	-	-	<b>17.113.175.226</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**2. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Định sách các bên liên quan có giao dịch trong kỳ*

**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

Chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Hà Ninh

Cùng chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Hà Thái

Cùng chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Vinh Phú

Cùng chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Hà Hải

Cùng chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Quảng Bình

Cùng chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Thanh Hóa

Cùng chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Yên Lào

Cùng chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh

Cùng chủ sở hữu

Trường Cao đẳng Nghề Đường sắt

Cùng chủ sở hữu

Các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc Công ty CP Thông tin tín hiệu đường sắt Hà Nội

*Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

**Mua hàng**

Công ty CP Quản lý Đường sắt Hà Hải	505.572.800	2.148.616.659
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	102.215.227	708.419.900
Công ty CP Quản lý Đường sắt Hà Ninh	-	323.788.158
T. Trường Cao đẳng Nghề Đường sắt	-	188.093.182
<b>Cộng</b>	<b>607.788.027</b>	<b>3.368.917.899</b>

**VI. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Từ ngày 22/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016 VND
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	97.998.255.704	79.323.782.587
Công ty CP Quản lý Đường sắt Hà Ninh	423.140.582	-
Công ty CP Quản lý Đường sắt Hà Thái	370.677.273	1.240.384.269
Công ty CP Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú	68.513.635	420.640.194
Công ty CP Quản lý Đường sắt Hà Hải	22.706.364	593.645.564
Công ty CP Quản lý Đường sắt Thanh Hóa	171.287.385	108.830.979
Công ty CP Quản lý Đường sắt Quảng Bình	-	132.488.182
Công ty CP Quản lý Đường sắt Yên Lào	-	190.453.901
<b>Cộng</b>	<b>99.054.580.943</b>	<b>82.010.225.676</b>
	Từ ngày 22/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	2.271.531.309	1.785.726.030
<b>Cộng</b>	<b>2.271.531.309</b>	<b>1.785.726.030</b>

*Số dư với Bên liên quan đã được trình bày trên các thuyết minh phải thu, phải trả.*

**3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được công bố hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính.

**4. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ khi xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 01 tháng 01 năm 2015) đến khi đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu (ngày 21 tháng 01 năm 2016) đã được kiểm toán.

Khuất Thị Hà  
Người lập biểu  
Ngày 23 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thị Thanh Hiền  
Kế toán trưởng

Bùi Đình Sỹ  
Giám đốc